

Số: 91/QĐ-UBND

Lai Cách, ngày 14 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2022
của thị trấn Lai Cách

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN LAI CÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Lai Cách về việc phê chuẩn Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2022 của thị trấn Lai Cách.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND thị trấn, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- TT ĐU-HĐND thị trấn;
- Lãnh đạo UBND thị trấn;
- Lưu: KT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Minh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Lai Cách về việc phê duyệt Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

Hôm nay ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND thị trấn Lai Cách.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Lưu Xuân Hình | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Phạm Thị Thu Huyền | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hiên | Chức vụ: Công chức Văn phòng |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Quyết toán ngân sách năm 2022 của thị trấn Lai Cách.

(Kèm theo Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN; Biểu số 119/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 14/7/2023 đến hết ngày 24/8/2023.

Biên bản được lập thành 02 bản, Niêm yết tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người trách nhiệm niêm yết



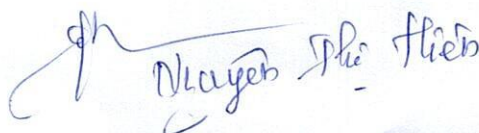
Phạm Thị Thu Huyền

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Minh

Các thành viên





CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	26.480.230.374	Tổng số chi	25.729.000.162
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	98.495.000	I. Chi đầu tư phát triển	17.942.845.618
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.124.397.996	II. Chi thường xuyên	6.684.047.788
III. Thu bổ sung	6.671.549.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.102.106.756
- Bổ sung cân đối	1.892.422.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.779.127.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	17.585.788.378		
Kết dư ngân sách			



UBND Thị trấn Lai Cạch

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Biểu số 117/CK TC - NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		16.614.961.000		26.480.230.374		159,38
I	Các khoản thu 100%		195.000.000		98.495.000		50,51
1	Phí, lệ phí		25.000.000		20.869.000		83,48
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		10.000.000		426.000		4,26
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		160.000.000		77.200.000		48,25
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		11.553.300.000		2.124.397.996		18,39
1	Các khoản thu phân chia		748.300.000		1.178.678.597		157,51
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		188.000.000		528.002.034		280,85
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		60.300.000		50.900.000		84,41
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		500.000.000		599.776.563		119,96
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất		10.805.000.000		945.719.399		8,75
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		10.000.000.000		293.966.875		2,94
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng		540.000.000		429.121.660		79,47
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân		265.000.000		222.630.864		
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				17.585.788.378		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.866.661.000		6.671.549.000		137,09
1	Thu bổ sung cân đối		1.892.422.000		1.892.422.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		2.974.239.000		4.779.127.000		160,68

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	15.938.260.000	10.000.000.000	5.938.260.000	25.729.000.162	17.942.845.618	7.786.154.544	161,43	179,43	131,12
	Trong đó:									
	Tạm ứng									
1	Chi giáo dục	3.500.000.000	3.500.000.000		12.013.536.288	12.013.536.288		343,24		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	500.000.000	500.000.000		4.793.966.875	4.793.966.875				
4	Chi văn hóa, thông tin	33.000.000		33.000.000	32.778.800		32.778.800	99,33		99,33
5	Chi phát thanh, truyền thanh	55.760.000		55.760.000	55.760.000		55.760.000	100,00		100,00
6	Chi thể dục, thể thao	10.000.000		10.000.000	9.956.600		9.956.600	99,57		99,57
7	Chi bảo vệ môi trường	0			0					
8	Chi các hoạt động kinh tế	0			0					
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	11.417.794.000	6.000.000.000	5.417.794.000	6.862.827.843	1.135.342.455	5.727.485.388	60,11	18,92	
10	Chi cho công tác xã hội	421.706.000		421.706.000	858.067.000		858.067.000	203,48		203,48
11	Chi khác	0			0					
12	Dự phòng	0			0					
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0			1.102.106.756		1.102.106.756			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Tổng số		40.383.756	0	31.739.731	17.942.845	17.942.845	17.942.845	
1. Công trình chuyển tiếp		7.710.226	0	7.150.701	1.135.342	1.135.342	1.135.342	0
Nâng cấp, cải tạo NTL5 thị trấn Lai Cách	2020-2021	4.273.568		4.093.158	186.425	186.425	186.425	
Xây dựng khu dân cư mới thôn Tiên, Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (GD1). Hạng mục: Di chuyển đường dây trung, hạ thế GPMB và cấp điện sinh hoạt	2018-2023	3.436.658		3.057.543	948.917	948.917	948.917	
2. Công trình khởi công mới		32.673.530	0	24.589.030	16.807.503	16.807.503	16.807.503	
Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường MNTT thị trấn Lai Cách	2022-2023	14.993.166		12.613.407	8.651.082	8.651.082	8.651.082	
Nhà làm việc 2 tầng móng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế thị trấn Lai Cách	2022-2023	8.393.928		6.296.512	4.793.967	4.793.967	4.793.967	
Nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường Tiểu học Lai Cách. Hạng mục: Đơn nguyên 1: 3 tầng 12 phòng	2022-2023	9.286.436		5.679.111	3.362.454	3.362.454	3.362.454	